

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 587/2020/HS-ST  
Ngày: 02/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – CB hưu trí.  
Ông Trần Văn Chánh – CB hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại trụ Tòa án nhân dân Thành phố B đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 557/2020/HSST ngày 06/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 583/2020/QĐXXST-HS ngày 16/10/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Minh T**, Sinh năm 1992 tại Đ.

Nơi đăng ký thường trú: ấp 4, xã Tam An, huyện Long Thành, Đ;  
Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 07/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc thời gian 16 tháng. Bị can chấp hành xong ngày 16/6/2020. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 04/12. - Nghề nghiệp: Phụ hồ.

Họ tên cha: Nguyễn Văn H, sinh năm 1967 (còn sống).

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (còn sống).

Hiện bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Ngọc Ch, sinh năm 1993. Bị can có 01 con sinh năm 2012 (là con của T với chị Đào Thị Bích T, sinh năm 1982, trước đó sống chung như vợ chồng với T). Bị can bị bắt quả tang ngày 21/6/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Thành phố B, tỉnh Đ.

*Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 21/6/2020, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 69F1-393.69 chở chị Nguyễn Thị Ngọc Ch là người sống chung như vợ

chồng với T) đến gần khu vực nhà máy “Mũ” thuộc xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đ. T dừng xe và nói Ch đứng chờ, rồi T đi gặp một người (không rõ lai lịch) mua 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), mục đích để sử dụng. Sau khi mua ma túy, T cầm gói ma túy trên tay phải rồi điều khiển xe chở Ch về nhà.

Đến khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, khi T đang điều khiển xe mô tô biển số 69F1-393.69 chở Ch đi đến đoạn đường nội bộ thuộc tổ 7, khu phố Long Khánh 3, phường Tam Phước, Thành phố B thì bị Công an phường Tam Phước kiểm tra, phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói nylon được hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng đã được niêm phong, có chữ ký của Nguyễn Minh T và hình dấu mộc tròn của Công an phường Tam Phước.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu xanh xám biển số 69F1-393.69 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Ngọc Ch. Xét thấy, chị Ch không biết việc Nguyễn Minh T sử dụng tài sản vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc Ch.

Tại Kết luận giám định số 1271/KLGD-PC09 ngày 25/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ đã kết luận: “Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định **là ma túy**, có khối lượng **0,2686 gam**, loại: **Methamphetamine**”.

Tại bản cáo trạng số 563/CT/VKS-BH ngày 01/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đề xuất áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Không có tình tiết tăng nặng, đề xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 16 (mười sáu) tháng tù giam đến 18 (mười tám) tháng tù giam.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố B tuyên tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thống nhất với nội dung truy tố của bản cáo trạng, ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là hành vi trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay, bị cáo T đã khai nhận Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 21/6/2020, tại đoạn đường nội bộ thuộc tổ 7, khu phố Long Khánh 3, phường Tam Phước, Thành phố B, tỉnh Đ, Nguyễn Minh T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,2686 gam ma túy, loại Methamphetamine thì bị Công an phường Tam Phước phát hiện, bắt quả tang. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác; hành vi này đang gây nên một hệ lụy xấu về tương lai trong giới thanh niên trẻ ngày nay. Bản thân bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ, bị cáo cũng nhận thức được rất rõ hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. bởi trước đó bị cáo cũng đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đã được giáo dục cải tạo và giúp cai nghiện nhưng sau khi ra khỏi cơ sở giáo dục bị cáo lại tiếp tục tái nghiện và đề có ma túy nhằm thỏa mãn cơn nghiện bị cáo đã tìm mua ma túy, tàng trữ để sử dụng dẫn đến hậu quả là phải đứng trước Tòa ngày hôm nay để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi tàng trữ mà mình đã thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo là đối tượng có ý thức chấp hành pháp luật kém, vì vậy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình phạt đối với bị cáo, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo T thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi đã thực hiện, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về áp dụng điều luật: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự; Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Về mức hình phạt:: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 18 (mười tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 21/06/2020.

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong số 1271 ngày 25/06/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ (không mở niêm phong), là số lượng ma túy còn lại sau giám định.

(Những vật chứng này được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B).

Về án phí: **buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.**

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo (6);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thiều Thị Phi Loan**

**Trần Chính**

**Đồng Thị Hồng**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Đ (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Công an TP.Biên Hòa (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – NLQ (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đồng Thị Hồng**

**Thiều Thị Phi Loan**

**Trần Văn Chánh**

**Đồng Thị Hồng**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 15 ngày 03 tháng 5 năm 2018;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh Đ.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh và bà Thiều Thị Phi Loan.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2018/TLST-HS



ngày 16 tháng 04 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Trần Văn Phú** (Tên gọi khác: Hiền); Sinh năm 1989 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp Phước Lợi, xã Mong Thọ B, huyện Ch Thành, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: thuê trọ tại tổ 24, khu phố 2, phường Trảng Dài, Thành phố B, tỉnh Đ.

*Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Phú phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104; khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm b, p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi bổ sung năm 2017; các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộ](#)c.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Phú: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/08/2017.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về các vấn đề khác:

Đối với chiếc xe mô tô mang biển số 68BA-024.19 là tài sản thuộc sở hữu riêng của Trần Văn Phú. Theo lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như phiên tòa ngày 12/3/2018, sau khi gây án, bị cáo đã đem chiếc xe này bán cho người khác. Tuy nhiên, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xác minh làm rõ bị cáo đã bán chiếc xe trên cho ai? Thời điểm nào? Có khả năng thu hồi được hay không cũng như không thể hiện quan điểm về việc xử lý vật chứng này trong nội dung kết luận điều tra, nội dung cáo trạng. Quá trình điều tra, các biên bản lấy lời khai Lê Công Hậu (BL 32; 33; 37); Hồ Trọng Nghĩa (BL 39-41); Phạm Quốc Cường (BL 42-44); chủ quán nhậu Sơn Lâm – bà Đoàn Thị Hải (BL47); cũng như lời khai tại phiên tòa của người bị hại anh Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm Quốc Cường đều xác định khi quay lại hiện trường để gây án, bị cáo không đi một mình mà còn đi cùng với người khác (BL 90; BL 91). Để tránh bỏ lọt tội phạm và triệt để trong vấn đề xử lý vật chứng vụ án. Tòa án nhân dân Thành phố B đã hai lần trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B để điều tra, làm rõ những nội dung nói trên. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị

cáo Trần Văn Phú về tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó, theo quy định về giới hạn của việc xét xử tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án xét xử bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nhưng kiến nghị Cơ quan điều tra điều tra tiếp tục điều tra làm rõ các nội dung nói trên để tránh việc bỏ lọt tội phạm.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án là 01 con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, sau khi gây án Phú đã vứt đi, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Quốc Tuấn xác nhận trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã bồi thường 11.000.000đ để điều trị thương tích, nay anh không yêu cầu bồi thường thêm.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:11/2018/HSST-QĐ

*Biên Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH  
TRẢ HỒ SƠ ĐỂ ĐIỀU TRA BỔ SUNG**

## **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:<sup>(4)</sup>***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Chánh và bà Nguyễn Thị Nhạn

Căn cứ Điều 280 và Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ kết quả việc xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa;

Xét thấy:

- Tại phiên tòa, người bị hại Bùi Quốc Tuấn và người làm chứng Phạm quốc Cường đều khai khi quay lại hiện trường để gây án bị cáo không đi một mình mà đi cùng hai người khác trên 1 chiếc xe máy. Lời khai này mâu thuẫn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra. Mặt khác anh Tuấn và anh Cường cũng như bị cáo đều xác định quá trình điều tra chưa được đối chất với nhau.

- Chiếc xe bị cáo sử dụng làm phương tiện gây án bị cáo khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đã bán. Tuy nhiên, cơ quan điều tra chưa làm rõ thời điểm bán, khu vực bán và người mua cũng như khả năng thu hồi tài sản này cũng như biện pháp xử lý vật chứng. Lý do tại sao có sự chênh lệch lớn giữa giá bán và giá mua. Có hay không việc bị cáo cố ý tẩu tán tài sản. Do đó, cần trả hồ sơ để làm rõ.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Trả hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Trần Văn Phú** (Tên gọi khác: Hiền); Sinh năm 1989;

Bị truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B.

Đề điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

1. Điều tra xác minh, cho đối chất giữa bị hại, những người làm chứng và bị cáo nhằm làm rõ trong vụ án có đồng phạm hay không?

2. Xác minh làm rõ cũng như có biện pháp xử lý cụ thể đối với chiếc xe mà bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội.

#### ***Nơi nhận:***

- VKS TP.Biên Hòa (kèm hồ sơ vụ án);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

